TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: 40/2024/DS-PT Ngày 17/01/2024 *V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Duy Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Sâm và bà Đinh Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Quang Hùng - Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Linh Byă - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 373/2023/TLPT-DS, ngày 08 tháng 11 năm 2023. Do bản án dân sự sơ thẩm số 51/2023/DS-ST ngày 24/8/2023 của Toà án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 498/2023/QĐXX-PT ngày 28 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Tống Thị L, sinh năm: 1969; nơi cư trú: Thôn 7, xã PX, huyện KN, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm: 1958; nơi cư trú: Thôn TT, xã HC, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

* Theo đơn khởi kiện ngày 27/03/2023 và các lời khai trong quá trình thu thập chứng cứ, cũng như tại phiên toà nguyên đơn Bà Tống Thị L trình bày: Do có mối quan hệ quen biết nên vào khoảng tháng 4 năm 2016 Bà Tống Thị L có cho Ông Nguyễn Văn B vay số tiền là 250.000.000đ (*hai trăm năm mươi triệu đồng chẵn),* với mức lãi suất là 2.000đ/1triệu đồng/ngày, nguồn gốc số tiền trên ông B nhờ bà L vay hộ của người khác với mức lãi suất 2.000đ/1triệu đồng/ngày để đưa cho ông B vay đáo hạn ngân hàng và cũng trong tháng 4/2016 ông B đã trả cho bà L được 200.000.000đ tiền vay gốc và còn nợ lại số tiền 50.000.000đ vay gốc ông B hẹn 01 tháng sau sẽ trả nhưng không trả. Đến tháng 11/2016 do ông B không trả

tiền cho bà L và bà L phải trả cho người vay hết 07 tháng tiền lãi là 21.000.000đ và ông B cũng biết việc bà L trả tiền lãi nên ông B đã đồng ý viết lại giấy vay tiền để cộng số tiền lãi suất còn nợ là 21.000.000đ và số tiền nợ gốc thành tổng số tiền 71.000.000đ vay gốc, thỏa thuận lãi suất là 1.5%/tháng, sau đó ký xác nhận dưới mục người vay tiền. Sau đó ông B đã nhiều lần đến nhà tính lãi suất rồi khất nợ chứu không trả.

Đến ngày 09/02/2022 ông B tiếp tục đến nhà bà L xin khất nợ, sau đó viết lại giấy vay tiền với tổng số tiền là 161.178.000đ, trong giấy vay tiền có thỏa thuận hẹn nếu trong vòng 5 tháng trả thì không tính lãi, nếu sau thời gian hẹn sẽ tính lãi suất 3%/tháng và ký tên vào giấy vay tiền, nhưng ông B cũng không chịu trả tiền cho tôi.

Đến tháng 10/2022 tôi làm đơn gửi đến Ban tự quản Thôn TT, xã HC nhờ can thiệp, tại buổi làm việc ở ban tự quản Thôn TT, xã HC vào ngày 13/10/2022 ông B thừa nhận còn nợ tôi số tiền 71.000.000đ vay gốc, tiền lãi suất còn nợ là 76.680.000đ (theo mức: 71.000.000đ x 1.5%/tháng x 72 tháng), thành tổng số tiền 147.680.000đ, số tiền này ông B xin trả cho làm 3 lần cụ thể: Ngày 30/12/2022 trả 45.000.000đ, ngày 30/02/2023 trả 45.000.000đ và ngày 30/6/2023 trả số tiền còn lại là 57.680.000đ, nhưng từ ngày đó đến nay ông B vẫn chưa trả cho bà L được khoản tiền nào.

Do đó, bà L khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết: Buộc Ông Nguyễn Văn B trả cho Bà Tống Thị L số tiền vay gốc và lãi suất theo biên bản hòa giải tại ban thôn vào ngày 13/10/2022 là 147.680.000đ (một trăm bốn mươi bảy triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng). Trong đó: Số tiền nợ gốc là 71.000.000đ và số tiền lãi suất còn nợ là 76.680.000đ. Đối với số tiền lãi suất phát sinh từ ngày 14/10/2022 cho đến nay bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***** *Tại các lời khai trong quá trình thu thập chứng cứ, bị đơn Ông Nguyễn Văn B trình bày:* Vào khoảng tháng 4 năm 2016 Ông Nguyễn Văn B có vay của Bà Tống Thị L số tiền 250.000.000đ, với mức lãi suất 2.000đ/1 triệu đồng/ ngày và cũng trong tháng 4/2016 ông B đã trả cho bà L số tiền 200.000.000đ vay gốc và còn nợ lại 50.000.000đ tiền vay gốc. Nguồn gốc số tiền trên ông B biết là bà L đi vay hộ của người khác với mức lãi suất là 2.000đ để đưa cho ông B vay lại. Do đó, đến tháng 11/2016 ông B đã đồng ý cộng số tiền nợ lãi 21.000.000đ vào giấy vay tiền thành tổng số tiền vay gốc là 71.000.000đ, với mức lãi suất là 1.5%/tháng. Đến ngày 09/02/202 ông B không trả tiền nên có đến nhà bà L xin khất nợ và viết lại

giấy vay tiền với tổng số tiền là 161.178.000đ, hẹn trong vòng 5 tháng trả thì không tính lãi, nếu sau thời gian hẹn sẽ tính lãi suất 3%/tháng nhưng ông B vẫn không trả được tiền cho bà L.

Đến ngày 13/10/2022 tôi được ban Thôn TT mời lên làm việc, tại buổi làm việc tôi xác nhận còn nợ Bà Tống Thị L tổng cộng số tiền vay gốc và lãi suất là 147.680.000đ. Trong đó tiền nợ gốc là 71.000.000đ và tiền lãi suất là 76.680.000đ, hẹn trả nợ cho Bà Tống Thị L làm 3 lần nhưng từ đó đến nay do điều kiện khó khăn nên ông B chưa trả được cho bà L khoản tiền nào cả.

Nay bà L khởi kiện yêu cầu ông B trả số tiền vay gốc và lãi suất tổng cộng số tiền là 147.680.000đ. Nguyện vọng của ông B đồng ý trả nợ, tuy nhiên đề nghị Bà Tống Thị L cho ông B trả dần số tiền trên và số tiền này tôi vay dùm con gái tôi nên đề nghị Tòa án chờ con gái tôi sắp xếp được công việc xong về thì ông B tìm cách thanh toán dứt điểm cho bà L.

Tại bản án Dân sự sơ thẩm số 51/2023/DS-ST ngày 24/8/2023 của Toà án nhân dân huyện Ea Kar đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 203, khoản 3 Điều 209, Điều 220, Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Tống Thị L.

1. Buộc Ông Nguyễn Văn B có trách nhiệm trả cho Bà Tống Thị L tổng số tiền là 147.680.000đ (một trăm bốn mươi bảy triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng chẵn). Trong đó tiền vay nợ gốc là 71.000.000đ, tiền lãi suất là 76.680.000đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/8/2023) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án (Ông Nguyễn Văn B) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Án sơ thẩm còn tuyên về chi phí thẩm định, định giá tài sản, chi phí đo đạc; án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 19/9/2023, bị đơn kháng cáo yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm theo hướng buộc bị đơn trả số tiền 20.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét thấy kháng cáo của bị đơn không có cơ sở chấp nhận; Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ Luật tố tụng Dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2023/DS-ST ngày 24/8/2023 của Toà án nhân dân huyện Ea Kar.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn B – bị đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, nên Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là phù hợp.

[2] Về nội dung

Bà Tống Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Ông Nguyễn Văn B trả cho Bà Tống Thị L tổng số tiền 147.680.000đ (một trăm bốn mươi bảy triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng). Trong đó tiền nợ gốc là 71.000.000đ và tiền lãi suất tính đến ngày 13/10/2022 là 76.680.000đ

[3] Xét đơn kháng cáo của Ông Nguyễn Văn B.

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Ông Nguyễn Văn B trả cho Bà Tống Thị L tổng số tiền 147.680.000đ (một trăm bốn mươi bảy triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng). Trong đó, tiền nợ gốc là 71.000.000đ và tiền lãi suất tính đến ngày 13/10/2022 là 76.680.000đ. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về nguồn gốc của số tiền vay: Vào khoảng tháng 4 năm 2016 ông B vay của bà L số tiền là 250.000.000đ, đã trả được 200.000.000đ còn nợ lại 50.000.000đ tiền vay gốc và khoản tiền lãi suất là 2.000đ/1triệu đồng/ngày. Sau 7 tháng kể từ ngày vay ông B không trả được tiền lãi phát sinh nên ông B đã đồng ý cộng số tiền nợ lãi 21.000.000đ thành tổng số tiền 71.000.000đ vay gốc, thỏa thuận lãi suất là 1.5%/tháng. Sự việc trên đã được ông B và bà L thừa nhận, căn cứ khoản 2 Điều 92 của BLTTDS, Tòa án công nhận đó là sự thật không cần phải chứng minh.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà L cung cấp cho Tòa án 01 giấy vay tiền (Bút lục 34) có nội dung: "Hôm nay ngày 09/02/2022 tại gia đình cô chú Ba L, gia đình bác B cư trú tại Cư Huê, Ea Kar, Đắk Lắk có vay gia đình cô chú Ba L số tiền 161.178.000 đồng …", dưới giấy vay tiền có chữ ký của người vay là Ông Nguyễn Văn B.

Tại Biên bản hòa giải ngày 13/10/2022 của Ban tự quản thôn, buôn Tân Tiến (Bút lục số 32) có nội dung ý kiến bên vay: "Tôi (Nguyễn Văn B) trú tại Thôn TT, xã HC, huyện E, tỉnh Đắk Lắk có lên nhà Bà Tống Thị L tại thôn 7, xã PX, huyện KN, tỉnh Đắk Lắk vay số tiền 250 triệu đồng, ngay sau thời gian vay khoảng 10 ngày, tôi (Nguyễn Văn B) đã trả số tiền 200 triệu đồng, ….. tôi đồng ý như ý kiến của bà L là tổng số tiền cả gốc và lãi bằng 71 triệu với lãi suất 1,5%/tháng của số tiền 71 triệu, trong sáu năm bằng 70 triệu với số tiền lãi là 76.680.000 đồng. Cả

gốc và lãi là 147.680.000 đồng gia đình tôi (Nguyễn Văn B) phải thanh toán cho Bà Tống Thị L. Phía dưới biên bản hòa giải có chữ ký Nguyễn Văn B.

Tại đơn đề nghị (Bút lục 18) và bản tự khai (Bút lục 21) Ông Nguyễn Văn B thừa nhận chữ ký Nguyễn Văn B trong biên bản hòa giải ngày 13/10/2022 của Ban tự quản thôn, buôn Tân Tiến là chữ ký của ông.

Tại biên bản làm việc ngày 26/4/2023 (Bút lục 23) thể hiện nội dung: "Ông Nguyễn Văn B có ý kiến trình bày như sau: Theo biên bản hòa giải tại cấp cơ sở, ngày 13/10/2022, tôi có xác nhận còn nợ Bà Tống Thị L số tiền 147.680.000 đồng và hứa sẽ có trách nhiệm hoàn trả cho bà L đầy đủ số tiền. Đến nay do điều kiện kinh tế gia đình nhiều khó khăn, bệnh tật liên miên nên chưa sắp xếp trả nợ được cho bà L. Nay bà L khởi kiện, tôi đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L và có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số tiền này và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Nhưng do hiện nay vợ chồng tôi đang nằm viện, các con thì đang đi làm ăn xa, đợi các con về mới quyết định phương án trả nợ…".

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, xét thấy việc ký hợp đồng vay tài sản hay giao kết dân sự giữa bà L và ông B là hoàn toàn tự nguyện; ý chí của ông B đồng ý với giao kết dân sự với bà L và giao kết dân sự này không làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích của người khác. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc Ông Nguyễn Văn B phải trả cho Bà Tống Thị L tổng số tiền 147.680.000đ (một trăm bốn mươi bảy triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng). Trong đó tiền nợ gốc là 71.000.000đ và tiền lãi suất tính đến ngày 13/10/2022 là 76.680.000đ (theo mức lãi suất: 71.000.000đ x 1.5%/tháng x 72 tháng); là chính xác, đúng pháp luật, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[3.2] Ý kiến của Ông Nguyễn Văn B cho rằng, ông có gặp thẩm phán để xin hoãn phiên tòa ngày 24/8/2023 vì lý do ông phải nhập viện điều trị phổi từ ngày 22/8/2023 đến ngày 25/8/2023, tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt ông là không đúng, ảnh hưởng tới quyền lợi của ông.

HĐXX nhận thấy phiên tòa ngày 25/8/2023 là phiên tòa lần thứ hai, ông B xin hoãn nhưng theo hồ sơ vụ án không thể hiện việc ông B vắng mặt lý do bất khả kháng, vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt ông là đúng quy định của pháp luật, được quy định tại khoản 2 Điều 227, Bộ luật tố tụng dân sự.

[3.3] Đối với ý kiến ngày 28/12/2018 (Âm lịch), con trai ông và con rể ông trả số tiền 30.000.000 đồng cho bà L, bà L thừa nhận tại Tòa án. Nhận thấy:

Trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm và tại cấp phúc thẩm, ông B không yêu cầu phản tố hay đưa tài liệu chứng minh đối với số tiền 30.000.000 đồng này. Bà L không thừa nhận số tiền này.

Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận đối với nội dung này của Ông Nguyễn Văn B.

[3.4] Ý kiến ông B cho rằng Bản án sơ thẩm chấp nhận số tiền lãi của 50.000.000 đồng tính từ tháng 4/2016 đến tháng 11/2020 là 21.000.000 đồng là quá cao.

Hội đồng xét xử nhận thấy ý kiến này của Ông Nguyễn Văn B là không chính xác bởi lẽ: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được dẫn chứng tại mục

[3.1] ông B xác định nợ bà L số tiền 147.680.000đ (một trăm bốn mươi bảy triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng); trong đó tiền nợ gốc là 71.000.000đ và tiền lãi suất tính đến ngày 13/10/2022 là 76.680.000đ (theo mức lãi suất: 71.000.000đ x 1.5%/tháng x 72 tháng). Việc giao kết dân sự giữa bà L và ông B hoàn toàn tự nguyện không làm ảnh hưởng tới quyền lợi và nghĩa vụ của người khác. Nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận thỏa thuận giữa bà L và ông B là chính xác, đúng quy định của pháp luật.

Xét ý kiến của ông B cho rằng ông chấp nhận lãi suất và số tiền lãi là bị ép buộc: Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình hòa giải tại cấp cơ sở, quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm, ông B không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh việc bà L và con bà L ép buộc ông ký vào giấy vay tiền hay biên bản hòa giải ngày 13/10/2022 của Ban tự quản thôn, buôn Tân Tiến. Mặt khác trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, trước phiên hòa giải ngày 07/7/2023, ông B đều thừa nhận khoản nợ 147.680.000đ đối với bà L. Vì vậy, ý kiến này của ông B là không có căn cứ chấp nhận.

[3.5] Xét ý kiến của Ông Nguyễn Văn B cho rằng ông không tự ý bỏ về trong phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai và hòa giải ngày 07/7/2023, thì thấy: tại biên bản làm việc ngày 07/7/2023 (Bút lục 30), biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 07/7/2023 (Bút lục 27) thể hiện Ông Nguyễn Văn B có mặt tại buổi hòa giải, phiên họp việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ tuy nhiên Ông Nguyễn Văn B không ký vào biên bản, có người làm chứng là bà Vũ Thị Hoa.

Xét ý kiến về việc Thẩm phán giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm cho ông ký biên bản trắng sau đó thẩm phán ghi gì vào biên bản thì ông không biết. Tuy nhiên, ông không đưa ra được tài liệu chứng cứ gì chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do không được chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên Ông Nguyễn Văn B phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của Ông Nguyễn Văn B - Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số 51/2023/DS-ST ngày 24/8/2023 của Toà án nhân dân huyện Ea Kar.

[2] Căn cứ Điều 92, Điều 147, Điều 203, khoản 3 Điều 209, Điều 220, Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Tống Thị L.

1. Buộc Ông Nguyễn Văn B có trách nhiệm trả cho Bà Tống Thị L tổng số tiền là 147.680.000đ (một trăm bốn mươi bảy triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng chẵn). Trong đó tiền nợ gốc là 71.000.000đ, tiền lãi suất là 76.680.000đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/8/2023) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án (Ông Nguyễn Văn B) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí

2.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho Ông Nguyễn Văn B.

- Hoàn trả lại cho Bà Tống Thị L số tiền 3.692.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2022/0000907, ngày 31/03/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

2.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho Ông Nguyễn Văn B.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Ea Kar;
- Chi cục THADS huyện E;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Duy Tuấn